GATE 2024

Question Paper | Answer Key

Graduate Aptitude Test in Engineering (GATE) is a prestigious national-level exam that assesses candidates for comprehensive understanding in various undergraduate-level subjects in Engineering, Technology, Science, Architecture, and Humanities.

aglasem.com

Engineering Sciences (XE)
Final Answer Key

Q. No.	Session	Question Type	Section	Key/Range	Mark
1	6	MCQ	GA	C	1
2	6	MCQ	GA	A	1
3	6	MCQ	GA	A	1
4	6	MCQ	GA	C	1
5	6	MCQ	GA	B	1
6	6	MCQ	GA	C	2
7	6	MCQ	GA	C	2
8	6	MCQ	GA	D	2
9	6	MCQ	GA	A	2
10	6	MCQ	GA	A	2
11	6	MCQ	XE-A	C	1
12	6	MCQ	XE-A	D	1
13	6	MCQ	XE-A	A	1
14	6	MCQ	XE-A	B	1
15	6	NAT	XE-A	12 to 12	1
16	6	NAT	XE-A	2 to 2	1
17	6	NAT	XE-A	0.42 to 0.55	1
18	6	MCQ	XE-A	A	2
19	6	MSQ	XE-A	B; C; D	2
20	6	NAT	XE-A	3 to 3	2
21	6	NAT	XE-A	2 to 2	2
22	6	MCQ	XE-B	B	1
23	6	MCQ	XE-B	B	1
24	6	MCQ	XE-B	C	1
25	6	MCQ	XE-B	C	1
26	6	MCQ	XE-B	A	1
27	6	MCQ	XE-B	C	1
28	6	MCQ	XE-B	D	1
29	6	MCQ	XE-B	D	1
30	6	NAT	XE-B	300 to 300	1
31	6	MCQ	XE-B	A	2
32	6	MCQ	XE-B	D	2

33	6	MCQ	XE-B	A	2
34	6	MCQ	XE-B	D	2
35	6	NAT	XE-B	0.09 to 0.11	2
36	6	NAT	XE-B	4 to 4	2
37	6	NAT	XE-B	0.1 to 0.1	2
38	6	NAT	XE-B	635.00 to 637.00	2
39	6	NAT	XE-B	6.00 to 6.50	2
40	6	NAT	XE-B	8 to 8	2
41	6	NAT	XE-B	5 to 5	2
42	6	NAT	XE-B	7.85 to 8.11	2
43	6	NAT	XE-B	0.30 to 0.35	2
44	6	MCQ	XE-C	B	1
45	6	MCQ	XE-C	B	1
46	6	MCQ	XE-C	C	1
47	6	MCQ	XE-C	C	1
48	6	MCQ	XE-C	D	1
49	6	MSQ	XE-C	A; C; D	1
50	6	MSQ	XE-C	A; B	1
51	6	MSQ	XE-C	A; B; C	1
52	6	NAT	XE-C	12 to 12	1
53	6	MCQ	XE-C	A	2
54	6	MCQ	XE-C	C	2
55	6	MCQ	XE-C	D	2
56	6	MCQ	XE-C	B	2
57	6	MSQ	XE-C	B; C	2
58	6	MSQ	XE-C	A; C	2
59	6	MSQ	XE-C	A; D	2
60	6	MSQ	XE-C	A; D	2
61	6	MSQ	XE-C	B; D	2
62	6	NAT	XE-C	196 to 200	2
63	6	NAT	XE-C	20.0 to 23.2	2
64	6	NAT	XE-C	44.0 to 46.0	2
65	6	NAT	XE-C	30.0 to 33.0	2
66	6	MCQ	XE-D	D	1
67	6	MCQ	XE-D	A	1
68	6	MCQ	XE-D	B	1
69	6	MCQ	XE-D	A	1
70	6	MCQ	XE-D	D	1
71	6	MCQ	XE-D	A	1
72	6	MSQ	XE-D	A;B;C	1

73	6	NAT	XE-D	0.9 to 1.1	1
74	6	NAT	XE-D	24 to 26	1
75	6	MCQ	XE-D	C	2
76	6	MCQ	XE-D	D	2
77	6	MCQ	XE-D	C	2
78	6	MCQ	XE-D	B	2
79	6	MSQ	XE-D	A;C	2
80	6	NAT	XE-D	99.00 to 101.00	2
81	6	NAT	XE-D	41.0 to 43.0	2
82	6	NAT	XE-D	0.80 to 0.85	2
83	6	NAT	XE-D	0.29 to 0.33	2
84	6	NAT	XE-D	59.5 to 60.5	2
85	6	NAT	XE-D	1.9 to 2.1	2
86	6	NAT	XE-D	14 to 16	2
87	6	NAT	XE-D	0.66 to 0.68	2
88	6	MCQ	XE-E	C	1
89	6	MCQ	XE-E	B	1
90	6	MCQ	XE-E	C	1
91	6	MCQ	XE-E	A	1
92	6	MCQ	XE-E	C	1
93	6	MSQ	XE-E	A	1
94	6	MSQ	XE-E	B; C	1
95	6	NAT	XE-E	88 to 88	1
96	6	NAT	XE-E	0.249 to 0.251	1
97	6	MCQ	XE-E	C	2
98	6	MCQ	XE-E	D	2
99	6	MCQ	XE-E	C	2
100	6	MCQ	XE-E	B	2
101	6	MCQ	XE-E	D	2
102	6	MCQ	XE-E	B	2
103	6	NAT	XE-E	28 to 28	2
104	6	NAT	XE-E	0 to 0	2
105	6	NAT	XE-E	49.0 to 51.0	2
106	6	NAT	XE-E	271.50 to 272.50	2
107	6	NAT	XE-E	10.50 to 11.50	2
108	6	NAT	XE-E	359 to 361	2
109	6	NAT	XE-E	40.000 to 44.500	2
110	6	MCQ	XE-F	A	1
111	6	MCQ	XE-F	B	1
112	6	MCQ	XE-F	B	1

113	6	MCQ	XE-F	D	1
114	6	MCQ	XE-F	C	1
115	6	MCQ	XE-F	D	1
116	6	MCQ	XE-F	A	1
117	6	MCQ	XE-F	C	1
118	6	MSQ	XE-F	A;B	1
119	6	MCQ	XE-F	B	2
120	6	MCQ	XE-F	A	2
121	6	MCQ	XE-F	C	2
122	6	MSQ	XE-F	A;C	2
123	6	MSQ	XE-F	A;B	2
124	6	NAT	XE-F	68 to 71	2
125	6	NAT	XE-F	126 to 144	2
126	6	NAT	XE-F	107 to 108	2
127	6	NAT	XE-F	8680 to 11300	2
128	6	NAT	XE-F	39900 to 40500	2
129	6	NAT	XE-F	0.48 to 0.54	2
130	6	NAT	XE-F	0.36 to 0.40	2
131	6	NAT	XE-F	0.36 to 0.40	2
132	6	MCQ	XE-G	C	1
133	6	MCQ	XE-G	D	1
134	6	MCQ	XE-G	C	1
135	6	MCQ	XE-G	C	1
136	6	MCQ	XE-G	A	1
137	6	MCQ	XE-G	D	1
138	6	MCQ	XE-G	C	1
139	6	MCQ	XE-G	C	1
140	6	NAT	XE-G	90 to 90	1
141	6	MCQ	XE-G	B	2
142	6	MCQ	XE-G	A	2
143	6	MCQ	XE-G	A	2
144	6	MSQ	XE-G	B; D	2
145	6	MSQ	XE-G	B; D	2
146	6	MSQ	XE-G	A; B	2
147	6	MSQ	XE-G	A; C; D	2
148	6	MSQ	XE-G	A; C	2
149	6	MSQ	XE-G	A; B	2
150	6	MSQ	XE-G	C; D	2
151	6	NAT	XE-G	1.50 to 1.60	2
152	6	NAT	XE-G	3 to 3	2

153	6	NAT	XE-G	6.05 to 6.18	2
154	6	MCQ	XE-H	A	1
155	6	MCQ	XE-H	B	1
156	6	MCQ	XE-H	C	1
157	6	MCQ	XE-H	B	1
158	6	MCQ	XE-H	B	1
159	6	MCQ	XE-H	B	1
160	6	MCQ	XE-H	A	1
161	6	MCQ	XE-H	A	1
162	6	MCQ	XE-H	D	1
163	6	MSQ	XE-H	B;C;D	2
164	6	MSQ	XE-H	A;C;D	2
165	6	MSQ	XE-H	A;B;C	2
166	6	MSQ	XE-H	A;B	2
167	6	MSQ	XE-H	B;D	2
168	6	MSQ	XE-H	C;D	2
169	6	MSQ	XE-H	C	2
170	6	MSQ	XE-H	A	2
171	6	NAT	XE-H	0.45 to 0.55	2
172	6	NAT	XE-H	27.0 to 27.5	2
173	6	NAT	XE-H	0.180 to 0.185	2
174	6	NAT	XE-H	1 to 1	2
175	6	NAT	XE-H	30 to 30	2

Entrance Exams

- Agricultural Entrance Exams
- Architecture Entrance Exam
- Arts and Humanities Entrance Exams
- Commerce Entrance Examinations
- Common Entrance Examinations
- Computer Application Entrance Exams
- Design Entrance Exams
- Education Entrance Exams
- Engineering Entrance Exams
- Hotel Management Entrance Exams
- Law Entrance Exams
- MBA Entrance Exams
- Media & Journalism Entrance Exams
- Medical Entrance Exams
- Nursing Entrance Exams
- Pharmacy Entrance Exams
- Science Entrance Exams
- Diploma & Polytechnic
- Lateral Entry